

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN
NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH –TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Hồng Phước

2. Bà Trần Thị Quế Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa ông Nguyễn Minh Quang – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hoa N, sinh năm 1994(có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Phú Hòa II, xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An G.

Hiện cư trú: Tổ 18, ấp Hòa Long 2, thị trấn An Ch huyện Châu Th, tỉnh An G

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Phú Hòa II, xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 29/3/2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Hoa N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Q tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân vào năm 2015. Có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hòa,

huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 48/2015, quyền số I/2015 ngày 30/3/2015. Sau khi cưới, chị về sống chung với gia đình chồng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, vợ chồng thường hay cự cãi, anh Q không quan tâm, chăm lo vợ con. Giữa chị và anh Q ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Nay chị không còn tình cảm với anh Q yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Thị Bảo Y sinh ngày 11/02/2016 . Hiện con chung đang sống chung với chị; khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng

-Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, tự thỏa thuận

** Bị đơn anh Nguyễn Bảo Q không tham gia tố tụng tại Tòa án*

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị Hoa N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Về hôn nhân giữa chị và anh Q ly thân một thời gian dài, khi vợ chồng cự cãi nhau chị bỏ về nhà cha mẹ ruột chị tại Hòa Long 2, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành sinh sống từ năm 2018. Trong thời gian ly thân anh Q có tới lui thăm con và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng từ năm 2021 cho đến nay, anh Q không quan tâm mẹ con chị, không thăm nom. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị với anh Q không còn. Yêu cầu ly hôn. Về con chung sống với chị từ khi vợ chồng ly thân nhau cho đến nay. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết

- Bị đơn anh Nguyễn Bảo Q vắng mặt không tham gia phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về việc chấp hành pháp luật:* trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Hoa N

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Phạm Thị Hoa N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Th giải quyết về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ biên bản xác minh nơi cư trú của bị đơn anh Nguyễn Bảo Q ngày 04/8/2023 tại Công an xã Bình H , huyện Châu Thành, An G thể hiện anh Q vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản Điều 179 BLTTDS 2015. Anh Q không có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Q.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: giữa chị N với anh Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 48/2015 quyển số I/2015 ngày 30/3/2015 phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị. Mục đích tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ; Tuy nhiên, chị N vẫn giữ yêu cầu ly hôn; Anh Q không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Đồng thời, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều này, thể hiện ông Q không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Giữa anh chị đã ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay, trong thời gian ly thân anh chị có hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, cả hai vẫn không hạnh phúc, từ năm 2021 cho đến nay anh chị không tới lui quan tâm để yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy cả chị N và anh Q đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014. Do đó, yêu cầu của chị N và đề nghị của đại diện viện kiểm sát có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Thị Bảo Y sinh ngày 11/02/2016. Hiện con chung đang sống chung với chị N; khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng; Đồng thời, tại văn bản trình bày ý kiến của cháu Y thể hiện cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Anh Q không có ý kiến tranh chấp về con chung. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật HNGĐ năm 2014, căn cứ quyền lợi về mọi mặt của con giao cháu Y cho chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định pháp luật.

Chị N phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: HĐXX không xem xét

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Hoa N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Chị N, anh Q có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hoa N; chị N được ly hôn với anh Nguyễn Bảo Q

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48/2015 quyển số I/2015 ngày 30/3/2015 tại UBND xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: chị Phạm Thị Hoa N được tiếp tục nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Thị Bảo Y sinh ngày 11/02/2016. Chị N phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh Q trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: HĐXX không xem xét

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: chị Phạm Thị Hoa N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0004337 ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (chị N đã nộp xong)

5. Quyền kháng cáo: chị Phạm Thị Hoa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/9/2023); Riêng anh Nguyễn Bảo Q được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang